

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày 27/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đinh Văn Lộc, giáo viên nghỉ hưu;

2- Ông Phạm Văn Miên, nghề nghiệp: Cán bộ;

Nơi công tác: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đ.

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tha Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/HSST ngày 14/11/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê H, sinh ngày 19/11/2000 tại huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê A (sinh năm 1962) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1970); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/8/2018 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Thái Quốc Toàn - Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai (có mặt).

- *Bị hại:*

1) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Nguyễn H Gia Lai, địa chỉ: đường Nguyễn Văn Linh, tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Đại diện theo ủy quyền là chị Trịnh Thị H, sinh năm 1994, địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2017, chị H có mặt);

2) A Ngô H Khả T, sinh năm 1995, địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);

- Bị đơn dân sự: ông Lê A, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970 (là cha mẹ của bị cáo), cùng địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê H là nhân viên phục vụ cho quán Karaoke Paradise (thuộc Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai), địa chỉ tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. H có ý định nghỉ việc nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của quán. Do đó, vào ngày 12/9/2017 sau khi làm xong công việc Hàng ngày của quán, H về phòng ở (cạnh khuôn viên của quán Karaoke) sắp xếp trước quần áo để đồ rồi đến quán Internet Ken ở gần quán Karaoke Paradise chơi game. Đến khoảng 03 giờ 30 ngày 13/9/2017, H gọi người bạn cùng chơi game với H tên là H (chưa xác định được lý lịch) ra phianh Trước quán Ineternet để nói chuyện. H nói với H: “Có đi trộm cắp tài sản cùng không”, H nói: “Ở đâu”, H nói: “Ở quán Karaoke gần đây”, rồi H bảo: “Có dễ vô không”, H nói: “Dễ, leo rào vô thôi”, H đồng ý và nói với H: “có đồ cạy cửa chưa”, H trả lời: “Chưa”. Nói xong, H đi một lúc sau quay lại cầm theo 01 mũm đực, lưỡi kim loại, cán bằng gỗ, rồi H dẫn H đi, chỉ đường đột nhập vào bên trong quán Karaoke Paradise bằng lối trèo rào phianh Trước qua lối cầu thang để vào phòng Lễ Tân của quán, H chỉ tiếp cho H đến cúp cầu dao điện và lối đột nhập vào phòng chứa vật tư của quán, H đứng ngay ngoài cửa sổ chỉ vị trí chiếc tủ gỗ ở bên trong cho H cạy phá tủ gỗ để lấy trộm chiếc túi xách màu đen, bằng da mà H biết chị Trịnh Thị H (thu ngân của quán) thường cất giữ tiền thu Hàng ngày. Sau khi H cạy tủ gỗ lấy chiếc túi xách của chị H ranh Thì H đi ra ngoài trước, khoảng 05 phút thì H đi ra, trên tay cầm theo túi xách, rồi H và H đến bãi đất trống cách quán Karaoke khoảng 200m, mở túi xách, đồ hết số tiền mặt có trong túi ra, và chia nhau ước lượng làm đôi số tiền mà không đếm cụ thể là mỗi người được bao nhiêu tiền. Sau đó, H bỏ đi, còn H nhặt lại chiếc túi xách trên, cầm theo số tiền được chia và lấy quần áo đã sắp xếp sẵn trước đó đón xe về nH ở tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. H kiểm đếm toàn bộ số tiền mặt được chia là 12.200.000 đồng gồm nhiều loại tiền mệnh giá khác nhau. H kiểm tra bên trong chiếc túi xách phát hiện có 01 chiếc nhẫn đeo tay màu vàng, mặt nhẫn hình rồng bọc quA viên ngọc và một sợi dây chuyền màu vàng có gắn mặt dây chuyền bằng ngà màu trắng hình Quan Vân Trường. Sau đó, H đi ra khu vực chợ thị trấn C, huyện C bán số vàng này cho một người đàn ông không quen biết được 8.000.000 đồng. Sau đó, H đi vào TP.Hồ Chí Minh để lẩn trốn. Ngày 23/7/2018, H đến Công an huyện Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác định số tài sản mà Lê H và đồng phạm trộm cắp gồm: 34.000.000 đồng tiền do Anh Thu trong ngày 12/9/2017 của Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai, số vàng của A Ngô H Khả T, trị giá 15.000.000 đồng. Tổng cộng 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng).

Tại Bản Cáo trạng số: 38/CT- VKS ngày 08/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng.

Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai - Chị Trịnh Thị H và Anh Ngô Hoàng Khả T đã trình bày: tối ngày 12/9/2017, tại quán Karaoke Paradise (thuộc Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai) xảy ra vụ trộm cắp tài sản, kẻ trộm đã cạy tủ chiếm đoạt 34.000.000 đồng tiền do Anh Thu trong ngày 12/9/2017 của quán Karaoke Paradise và 01 sợi dây chuyền bằng vàng tây có mặt dây chuyền, 01 chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng tây có giá trị 15.000.000 đồng của Anh Ngô Hoàng Khả T (gửi nhờ trong túi xách của chị H). Qua điều tra, xác định Lê H là người trộm cắp. Đến nay, Lê H đã bồi thường cho Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai (thông qua chị Trịnh Thị H) 10.000.000 đồng, bồi thường cho ANH T 5.000.000 đồng. Chị H và anh T yêu cầu Lê H bồi thường số tiền còn lại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng. Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê H phạm tội “trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo H từ 09 đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai 24.000.000 đồng, bồi thường cho ANH T 10.000.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: là 01 con dao tông dài 29cm, là công cụ bị cáo cùng đồng bọn dùng vào việc phạm tội, là tài sản của quán Karaoke Paradise, chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại, là tài sản có giá trị không lớn nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo công nhận Hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội; Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 65, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù như đề nghị của Viện kiểm sát, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA NHÌN TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trẢnh Tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa,

không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của các cơ quan tiến Hành tố tụng và người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo thừa nhận có Hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tranh Tại phiên tòa, do đó có căn cứ để nhận định:

Khoảng 03 giờ 30 ngày 13/9/2017, Lê H cùng đối tượng H (chưa xác định được lý lịch) đã có Hành vi trộm cắp 34.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai và 01 sợi dây chuyền bằng vàng tây có mặt dây chuyền, 01 chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng tây có giá trị 15.000.000 đồng của A Ngô Hoàng Khả T. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

Hành vi của bị cáo xảy ra vào ngày 13/9/2017, thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có H lực pháp luật. Do đó, Hành vi của bị cáo phạm tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, nay được quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

So sánh giữa khoản 1 Điều 138 và các quy định khác của Bộ luật hình sự năm 1999 với khoản 1 Điều 173 các quy định khác của Bộ luật hình sự năm 2015, thấy rằng, các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 không có quy định nào có lợi cho bị cáo nên không cần thiết phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, Cáo trạng cũng như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Thấy rằng, quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, mọi Hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đều phải phải được xử lý. Bị cáo đã có Hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai và A Ngô H Khả T. Hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh.

Đây là vụ án đồng phạm, bị cáo cùng đối tượng tên H cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Tuy nhiên, đây chỉ là đồng phạm giản đơn, giữa bị cáo và đối tượng tên H chưa có sự câu kết chặt chẽ. Lê H là người khởi xướng, rủ rê, chỉ dẫn việc thực hiện Hành vi chiếm đoạt, đối tượng H trực tiếp lén lút chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H và đối tượng H phải cùng chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm. Vì hiện nay chưa xác định đối tượng tên H nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để khởi tố H, khi nào bắt được H sẽ xử lý sau. Do đó, trong vụ án này chỉ xử lý hình sự một mình bị cáo H.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người chưa thành niên không có tài sản, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo đã tự nguyện đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo là người churanh THành niên phạm tội (tại thời điểm phạm tội bị cáo 17 tuổi, 9 tháng 24 ngày) nên khi áp dụng hình phạt cần áp dụng các quy định người churanh THành niên phạm tội gồm các Điều 68, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của Hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, nguyên nhân phạm tội, khả năng nhận thức, điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, thấy rằng, bị cáo có vai trò chính trong vụ án, giá trị tài sản chiếm đoạt ở mức cao của khung hình phạt (49.000.000 đồng), số tiền bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả không nhiều, do đó cần xử bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo một thời gian mới cải tạo, giáo dục bị cáo tHành người tốt và góp phần đấu trA, phòng ngừa Tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H phải chịu toàn bộ trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Khi nào bắt được đối tượng cùng phạm tội với bị cáo thì bị cáo có quyền yêu cầu đối tượng này hoàn trả phần nghĩa vụ dân sự mà mình đã chịu thay. Bị cáo Lê H là người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi gây thiệt hại về tài sản. Bị cáo H đã bồi thường cho Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai 10.000.000 đồng, bồi thường cho Anh Ngô Hoàng Khả T5.000.000 đồng. Bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai 24.000.000 đồng và bồi thường cho Anh Ngô Hoàng Khả T10.000.000 đồng bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ của bị cáo là ông Lê A và bà Nguyễn Thị P phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị xử lý vật chứng của Viện kiểm sát là có căn cứ. Do đó, cần xử lý vật chứng theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm và 1.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ NH nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 68, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Tuyên bố bị cáo Lê H phạm tội “trộm cắp tài sản”;
- Xử phạt bị cáo Lê H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp Hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Lê H có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho Công ty TNHH MTV Nguyễn H Gia Lai 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng; bồi thường cho Anh Ngô Hoàng Khả T10.000.000 đồng (mười triệu đồng) bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ của bị cáo là ông Lê A và bà Nguyễn Thị P phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, loại dao tông dài 29cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 17,5cm, sắc, mũi dao được vát bằng có chiều rộng là 8,5cm, chiều nhỏ nhất là 0,8cm, dày 0,2cm; cán dao bằng kim loại bên ngoài được ốp nhựa cứng màu đen, cán dao dài 11,5cm, dày 0,2cm, rộng 3,5cm, loại dao đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Đ).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; các Điều 23, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê H chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ NH nước.

5. Các vấn đề khác: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày án có H lực và có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, Hàng tháng, người phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án tương ứng với thời gian chậm thi Hành án. Lãi suất chậm thi Hành án được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời H thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS; CA;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người BC;
- Bị hại; BÐDS;
- Sở tư pháp;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng

Bị cáo là người khởi xướng việc phạm tội, đã chủ động khởi xướng, rủ rê người khác cùng với mình phạm tội, đã chỉ dẫn H thực hiện trót lọt việc trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt ở mức cao của khung hình phạt.